

Số: **06/2022/QĐST-DS**

Biên Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về dân sự thụ lý số: 678/2021/TLST-DS, ngày 18/11/2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trần Nhân T**, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số 11K1, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: **Bà Trình Ngọc K (tên gọi khác: Trình Tiêu N)**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 337, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trình Ngọc K (Trình Tiêu N) có nghĩa vụ trả cho ông Trần Nhân T tổng số tiền nợ gốc và lãi là : 3.480.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) và tiền lãi là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự hoà giải thành: Bà Trình Ngọc K (Trình Tiêu N) phải nộp 25.400.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng), ông Trần Nhân T phải nộp 25.400.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Do ông Trần Nhân T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự. (2)
- VKS ND TP Biên Hòa.(2)
- TAT.ĐN (1)
- THADSTPBH (1)
- Lưu hồ sơ

Thành Thị Thu Trang